

Số: 00001/N2.20/ĐG/32

Ngày 10/9/2020

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.20/ĐG ngày 02/01/2020.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 01/9/2020 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HDNT số 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 01/9/2020 từ 08 giờ 35 phút đến 09 giờ 00 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng



## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Mai Thị Hậu) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm phong của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT339514.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

### 9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định <sup>(1)</sup>
1	Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi	SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục, NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C	TCVN 6492: 2011	7,5	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> , mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	65,3	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS), mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	151	1 000



**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH***(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	28,9	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,30	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	3,9	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	32,1	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 <sup>(b)</sup>	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

**Ghi chú:** <sup>(1)</sup> ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.

<sup>(b)</sup> ... giới hạn định lượng của phương pháp thử



Số: 00001/N2.20/ĐG/33

Ngày 21/9/2020

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.20/ĐG ngày 02/01/2020.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 09/9/2020 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HĐNT số 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 09/9/2020 từ 08 giờ 30 phút đến 09 giờ 00 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.

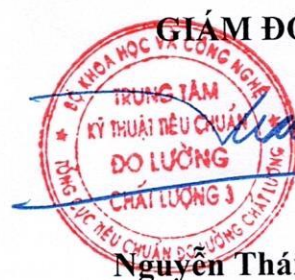
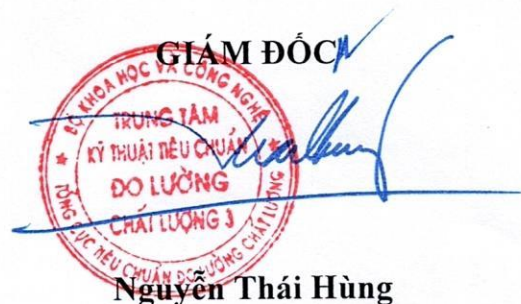
*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa

GIÁM ĐỐC



NGHĨA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TRUNG TÂM  
KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG  
CHẤT LƯỢNG 3  
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Nguyễn Thái Hùng



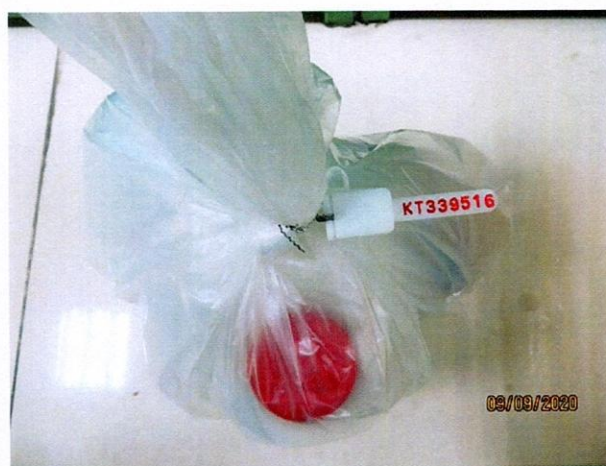
## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Mai Thị Hậu) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT339516.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

### 9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định <sup>(1)</sup>
1	Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi	SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục, NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C	TCVN 6492: 2011	7,6	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> , mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	68,3	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS), mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	151	1 000

QC VÀ C  
KUNG TÀ  
QUẠT ĐIỀU  
ĐO LƯỜNG  
HẤT LƯỢNG  
KIỂM ĐỊNH



## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(Tiếp theo)

### 9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	29,4	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,33	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	5,6	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	34,6	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 <sup>(b)</sup>	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

**Ghi chú:** <sup>(1)</sup> ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.

<sup>(b)</sup> ... giới hạn định lượng của phương pháp thử



Số: 00001/N2.20/ĐG/34

Ngày 25/9/2020

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.20/ĐG ngày 02/01/2020.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 16/9/2020 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HĐNT số 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 16/9/2020 từ 08 giờ 55 phút đến 09 giờ 15 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng



**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH****9.1 Nội dung thực hiện**

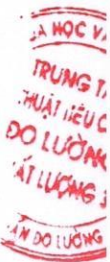
- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT340743.
- Hình ảnh thực hiện:

**vòi "nước dịch vụ"**

Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

**9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định <sup>(1)</sup>
1	Độ màu,	Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi		SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục,	NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C		TCVN 6492: 2011	7,5	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> ,	mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	73,3	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS),	mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	147	1 000



**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH***(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	32,4	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,28	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	3,8	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	29,4	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 <sup>(b)</sup>	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

**Ghi chú:** <sup>(1)</sup> ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.

<sup>(b)</sup> ... giới hạn định lượng của phương pháp thử



Số: 00001/N2.20/ĐG/35

Ngày 02/10/2020

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.20/ĐG ngày 02/01/2020.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 23/9/2020 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HDNT số 02/QN.20/N2-THW ngày 04/12/2019.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 23/9/2020 từ 08 giờ 40 phút đến 09 giờ 05 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng



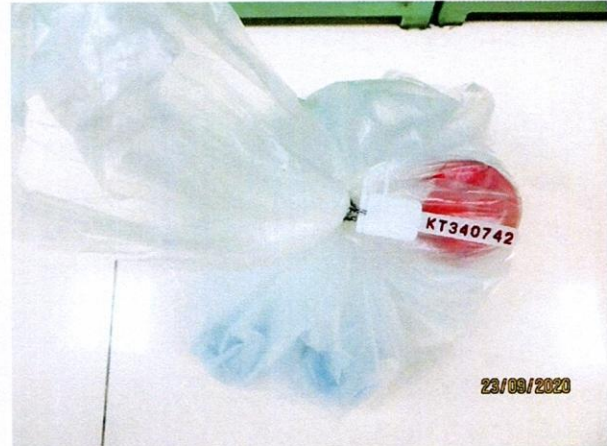
## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi "nước dịch vụ" trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm phong của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT340742.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

### 9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định <sup>(1)</sup>
1	Độ màu,	Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi		SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục,	NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C		TCVN 6492: 2011	7,6	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> ,	mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	66,8	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS),	mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	124	1 000

IA CÔNG  
STAM  
TIÊU CHU  
ĐỒNG  
LƯỢNG  
DO LƯƠNG

4



**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH***(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	27,1	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,29	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	3,5	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	22,1	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 <sup>(b)</sup>	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

*Ghi chú:* <sup>(1)</sup> ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.

<sup>(b)</sup> ... giới hạn định lượng của phương pháp thử